

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Quý
2. Bà Dương Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Trà My - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 245/2021/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022; Quyết định thay thế thành viên những người tiến hành tố tụng số: 95/QĐ-TA ngày 12/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L - Sinh năm 1983

Nơi ở: Lô E1. KĐT B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc S - Sinh năm 1959

Nơi ở: Lô E1. KĐT B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa chị Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh và ông Nguyễn Ngọc S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới, đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung với nhau tại SN 59 Tô Vĩnh Diện, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, sau đó chuyển về ở tại Lô E1.61 KĐT Bắc Cầu Hạc, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc được một thời gian đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, quan điểm, lối sống luôn trái ngược nhau, nên vợ chồng thường xuyên có lời qua tiếng lại, ngoài ra ông Sơn còn kinh doanh bán hàng đa cấp ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, dẫn đến mâu thuẫn trong gia đình luôn nặng nề căng thẳng. Mặc dù hai vợ

chồng đã nhiều cố gắng nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông Nguyễn Ngọc S.

Về con chung: Chị và ông S có 02 con chung, cháu Nguyễn Thị Ngọc K - Sinh ngày 27/4/2010 và cháu Nguyễn Ngọc Long A - Sinh ngày 27/01/2013. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con yêu cầu ông S cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ/cháu (hai cháu là 4.000.000đ/tháng).

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/4/2022 ông Nguyễn Ngọc S trình bày:

Về hôn nhân: Ông và chị Lê Thị L kết hôn với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với hòa thuận hạnh phúc được một thời gian đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, quan điểm, lối sống luôn trái ngược nhau, nên vợ chồng thường xuyên có lời qua tiếng lại, không khí trong gia đình luôn nặng nề căng thẳng. Bản thân hai vợ chồng cũng đã nhiều cố gắng nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Nay ông cũng xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn nên chị L xin ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Ông S thống nhất vợ chồng có 02 con chung, cháu Nguyễn Thị Ngọc K - Sinh ngày 27/4/2010 và cháu Nguyễn Ngọc Long A - Sinh ngày 27/01/2013. Ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thu thập chứng cứ tại địa phương: Ông Nguyễn Ngọc S, chị Lê Thị L kết hôn với nhau năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau tại địa phương đến năm 2014 thì vợ chồng có lời quan tiếng lại cãi vã nhau. Nay chị L xin ly hôn, quan điểm của khu phố mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng nếu anh, chị cương quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị Lý và anh Sơn có 02 con chung, cháu Nguyễn Thị Ngọc K – Sinh ngày 27/4/2010 và cháu Nguyễn Ngọc Long A – Sinh ngày 27/01/2013. Nếu anh, chị ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc K và cháu Nguyễn Ngọc Long A.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Về yêu cầu khởi kiện: đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia

đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Ngọc S có địa chỉ tại thành phố Thanh Hóa, nên Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Ngọc S đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa, chị Lý đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, nên Tòa án căn cứ vào Điều 207, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị L, ông Nguyễn Ngọc Sơn kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L: Hôn nhân muốn tồn tại trước hết vợ chồng phải thương yêu, tin tưởng nhau và có trách nhiệm với nhau cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Qua xem xét lời khai của chị L, ông S đều thể hiện mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ 2014 đã kéo dài, trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Cung cấp của chính quyền địa phương nơi ông Sơn, chị Lý sinh sống thể hiện vợ chồng mâu thuẫn từ 2014 đến nay. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo để các bên hòa giải nhưng ông Sơn vắng mặt, điều đó cho thấy ông Sơn không có ý thức níu kéo gia đình mà mặc nhiên để chị Lý đơn phương xin ly hôn. Do vậy HĐXX có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị L, ông S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị được ly hôn ông Nguyễn Ngọc S.

[3] Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Ngọc K – Sinh ngày 27/4/2010 và cháu Nguyễn Ngọc Long A – Sinh ngày 27/01/2013 là con chung của Lê Thị L, ông Nguyễn Ngọc S. Xét nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cả hai con của chị L thấy rằng chị L có việc làm, nguyện vọng của cháu K và cháu A đều muốn được ở với mẹ. Mặc dù ông Nguyễn Ngọc S quá trình giải quyết vụ án không đến tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa nhưng nguyện vọng của ông việc giao con và cấp dưỡng nuôi con đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật. Theo tài liệu chứng cứ do chị L cung cấp, chị làm việc tại công ty, tổng thu nhập khoảng 5.000.000đ/tháng. Với nguồn thu nhập này nếu giao hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng sẽ khó đảm các điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc hai con, trong khi đó ông S vẫn có việc làm. Do đó căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu A cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị L, ông S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng;
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27, khoản

1. 1 Điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn ông Nguyễn Ngọc S.

Về con: Công nhận cháu Nguyễn Thị Ngọc K – Sinh ngày 27/4/2010 và cháu Nguyễn Ngọc Long A – Sinh ngày 27/01/2013 là con chung của chị Lê Thị L, ông Nguyễn Ngọc S. Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc K cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngọc Long A cho ông Nguyễn Ngọc S trực tiếp nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ông Nguyễn Ngọc S, chị Lê Thị L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Chị L, ông S không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Án phí: Chị Lê Thị L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001826 ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (chị L đã nộp đủ tiền án phí).

Chị Lê Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Ngọc S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP. Thanh Hoá;
- UBND phường Điện Biên,
TP. Thanh Hóa;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Hào